

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 70/2021/DS-PT

Ngày: 20-01-2021

V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thương Huyền

Các Thẩm phán:

1. Bà Đỗ Thị Kim Phụng

2. Bà Lê Thị Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Luân

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 531/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp kiện đòi tài sản”. Do Bản án số 299/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6161/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30070/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Kim A

Địa chỉ: phường B, Quận T, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Diệp Minh H

Địa chỉ: phường M, Quận B, Thành phố H

2. *Bị đơn:* Bà Lưu Trần Xuân T

Địa chỉ: phường A, Quận T, thành phố H.

3. *Người kháng cáo:* Bà Phan Thị Kim A – Nguyên đơn

4. *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận T, thành phố H.

Ông Diệp Minh H có mặt tại phiên tòa. Bà Lưu Trần Xuân T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI D V U Á N:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Bà Phan Thị Kim A và bà Lưu Trần Xuân T là bạn bè, khi đó bà A có hỏi bà T về thủ tục đi định cư ở nước ngoài vì bà T làm việc tại Công ty du lịch

Vietravel thì bà T tự nhận mình có thể tiến hành thủ tục giấy tờ, liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đưa bà A đi xuất cảnh với giá tiền 60.000USD. Vì tin tưởng là bạn bè và khả năng của bà T nên bà A đã giao tiền cho bà A làm 02 đợt:

Lần 1: Chuyển khoản 115.075.000 đồng tương đương 5000 USD theo giấy ủy nhiệm chi tại Ngân hàng BIDV ngày 18/7/2018.

Lần 2: Giao tiền mặt 15.000 USD tương đương 350.350.228 đồng vào lúc 18 giờ 27 phút ngày 25/7/2018 tại quán ốc Cô Sáu có bà Đỗ Thị Mỹ Di là người làm chứng.

Các tin nhắn của bà T xác nhận đã nhận của bà A 15.000USD.

Tuy nhiên sau khi nhận tiền của bà A thì bà T không thực hiện bất kỳ công việc nào liên quan đến tiến hành xuất cảnh cho bà A. Sau này, bà A mới phát hiện bà T không có chức năng, thẩm quyền hoạt động kinh doanh làm dịch vụ xuất cảnh theo quy định. Bà A đã nhiều lần yêu cầu bà T hoàn trả lại số tiền đã nhận nhưng bà T đều cố ý trốn tránh không hoàn trả lại số tiền đã nhận để lo dịch vụ thủ tục định cư tại nước ngoài là 465.425.228 đồng (tương đương với 20.000USD tại thời điểm giao nhận).

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định là yêu cầu khởi kiện là đòi tài sản mà không phải là tranh chấp hợp đồng dịch vụ, yêu cầu Tòa án buộc bà Lưu Trần Xuân T hoàn trả cho bà Phan Thị Kim A số tiền 465.425.228 đồng (tương đương với 20.000USD tại thời điểm giao nhận).

Tại bản tự khai ngày 23/9/2020 bà Lưu Trần Xuân T trình bày:

Bà và bà Phan Thị Kim A là bạn của nhau. Sau khi bà A ly hôn có nói với bà muốn kiếm một người chồng ở Mỹ để sau này có thể định cư tại Mỹ nên bà giới thiệu bà A với một người bạn của bà tại Mỹ để hai người quen nhau. Sau một thời gian quen nhau, người bạn của bà tại Mỹ có nhờ một luật sư tại Mỹ tên Tuan Khuu để làm hồ sơ cho bà A định cư tại Mỹ. Do bạn bè với nhau nên bà thường đi chơi chung với bà A, bạn trai của bà A và luật sư Tuấn Khuu nên bà đồng ý chuyển giúp bà A số tiền 20.000USD. Còn việc hồ sơ dịch vụ của A đi định cư tại Mỹ thì bà hoàn toàn không tham dự vào và cũng không hứa hẹn gì với bà A và luật sư Tuan Khuu. Do đó bà hoàn toàn bất ngờ khi bà A nói rằng bà nhận tiền làm dịch vụ định cư tại Mỹ cho bà A.

Bà không đồng ý với yêu cầu của bà A đòi bà 20.000USD vì bà chỉ chuyển giúp bà A do cả nể bạn bè. Bà khẳng định hoàn toàn không làm dịch vụ thủ tục định cư nước ngoài như nguyên đơn trình bày.

Bản án số 299/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố H đã quyết định như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim A về việc yêu cầu bà Lưu Trần Xuân T phải trả lại cho bà Phan Thị Kim A số tiền đã nhận để lo dịch vụ thủ tục định cư tại nước ngoài là 465.425.228 đồng (tương đương với 20.000USD) tại thời điểm giao nhận với lý do bà T không thực hiện được dịch vụ thủ tục định cư tại nước ngoài cho bà A.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 22.617.000 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm mười bảy ngàn đồng), bà Phan Thị Kim A phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.307.000 đồng (mười một triệu ba trăm lẻ bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019955 ngày 05/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận T. Bà A phải nộp thêm 11.310.000 đồng (mười một triệu ba trăm mười ngàn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền thi hành án của đương sự.

Ông Diệp Minh H đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Kim A kháng cáo toàn bộ Bản án số 299/2020/DS-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố H với lý do bản án sơ thẩm chưa làm rõ các tình tiết quan trọng trong vụ án, thiếu khách quan. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm và sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim A.

Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/9/2020 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận T với nội D: Cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Kiện đòi tài sản theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015. Cần làm rõ nội D trình bày của nguyên đơn và bị đơn và đưa bà Đỗ Thị Mỹ D tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng trong vụ án. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H đưa ra xét xử phúc thẩm theo hướng trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đại diện nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập Biên bản lấy lời khai bà T của Công an Quận T và yêu cầu bà T đến phiên tòa để đối chất. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H rút phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận T về việc đưa bà Đỗ Thị Mỹ D tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng trong vụ án.

Đại diện nguyên đơn trình bày ý kiến: Vào năm 2018 do hôn nhân đổ vỡ bà A thường đặt vé máy bay qua Công ty của bà T và chơi với nhau, bà A muốn làm thủ tục định cư ở nước ngoài nên bà T nói có thể làm thủ tục cho bà đi Mỹ với giá 60.000USD, vì tin tưởng của khả năng của bà T nên bà A đã đưa trước 20.000USD. Bà T đã thừa nhận tại Cơ quan điều tra Công an Quận T ngày 04/6/2019 là đã nhận của bà A số tiền trên và chuyển cho người phụ nữ có tên là Kelly. Trong bản tự khai ngày 23/2019 bà T thừa nhận đã nhận số tiền trên từ bà A và bà T chuyển cho Luật sư tên Tuan Khuu tại Mỹ. Lời khai của bà T mâu thuẫn về việc chuyển tiền cho người nhận tại nước ngoài chưa được Tòa án làm rõ. Việc bà A nhờ bà T gửi tiền là vô lý vì bà A tự mình gửi tiền mà không cần nhờ đến bà T. Đoạn tin nhắn Zalo giữa bà A và bà T thể hiện không có bên thứ 3 tham gia vào giao dịch giữa bà A và bà T. Do vậy, việc bà T đưa ra lời khai chuyển tiền dùm bà T là không có căn cứ. Bản án của Tòa án nhân dân Quận T

thiếu khách quan ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà A nên nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ.

Về tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Kiện đòi tài sản. Tại bản tự khai bà T thừa nhận đã nhận tiền từ bà T nên không cần thiết phải tiến hành đối chất với bà T và thu thập thêm chứng cứ.

Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 23/9/2020 Tòa án nhân dân Quận T nhận được kháng cáo của người đại diện của nguyên đơn và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận T, đơn kháng cáo của đương sự và quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát trong thời hạn quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ. Bà Lưu Trần Xuân T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T. Về yêu cầu ngừng phiên tòa của ông Diệp Minh H, Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ theo yêu cầu của ông H.

[2] Xét kháng cáo của bà Phan Thị Kim A và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận T về việc đưa bà Đỗ Thị Mỹ D là người chứng kiến việc nhận tiền vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản tự khai ngày 23/9/2019 tại Tòa án nhân dân Quận T và tại công an Quận T bà T đã thừa nhận có nhận từ bà A 20.000USD, nên không cần thiết đưa bà Đỗ Thị Mỹ D vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phan Thị Kim A khởi kiện yêu cầu bà Lưu Trần Xuân T phải trả số tiền 465.425.228 đồng mà bà T đã nhận của bà A để làm thủ tục cho bà A xuất cảnh. Tuy nhiên bà A và bà T không đưa ra được hợp đồng xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch làm thủ tục định cư cho bà A nên tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp đòi tài sản theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền: Bà Phan Thị Kim A yêu cầu bà Lưu Trần Xuân T trả số tiền 465.425.228 đồng tương đương 20.000USD mà bà T đã nhận của bà A để lo cho bà A thủ tục định cư tại nước ngoài. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bản tự khai ngày 23/9/2019 bà Lưu Trần Xuân T thừa nhận đã nhận của bà A số tiền trên để chuyển giúp bà A cho một người tên Tuan Khuu tại Mỹ. Ngày 04/6/2019 bà T khai nhận với Công an Quận T là bà T có nhận số tiền trên từ bà A rồi chuyển cho người phụ nữ tên

Kelly Do (quốc tịch Mỹ, không rõ lai lịch) để người này làm thủ tục định cư cho bà A. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà A đã nhận của bà T số tiền 465.425.228 đồng tương đương 20.000USD. Bà T khai chuyển tiền giúp bà A cho ông Tuan Khuu, cho bà Kelly nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh nên bà T phải trả lại bà A số tiền mà bà T đã nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Buộc bà Lưu Trần Xuân T phải trả bà Phan Thị Kim A số tiền mà bà T đã nhận của bà A.

[5] Về án phí: Bà Lưu Trần Xuân T phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Kim A được chấp nhận nên bà A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng năm 2015. Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Kim A và một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Quận T, thành phố H. Sửa bản án sơ thẩm 299/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận T, thành phố H.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim A. Buộc bà Lưu Trần Xuân T phải trả bà Phan Thị Kim A tiền 465.425.228 (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm hai mươi tám đồng).

2. Về án phí:

Bà Lưu Trần Xuân T phải chịu 22.617.000 (hai mươi hai triệu sáu trăm mười bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Phan Thị Kim A 11.307.000 (Mười một triệu ba trăm linh bảy nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0019955 ngày 05/7/2019 và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0044306 ngày 28/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự Quận T, thành phố H.

3. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận T;
- Tòa án nhân dân Quận T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thương Huyền